TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2022
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**
Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- Thư ký phiên toà: Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Ông **Võ Phước Khánh Toàn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị P** - sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn X, xã P1, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế - Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông **Dương Tuấn T** - sinh năm 1994; Địa chỉ: K68/29 P2, tổ 36, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Trần Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Dương Tuấn T xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn được 01 tuần đến nay thì tôi về sống với cha mẹ tôi ở Thôn X, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, còn ông T vẫn sống với cha mẹ ông T ở K68/29 P2, tổ 36, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có sự thấu hiểu, chia sẻ và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm nhau nữa.

Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Tôi và ông Dương Tuấn T không có con chung.

Về tài sản chung: Tôi và ông Dương Tuấn T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Tôi và ông Dương Tuấn T không có nợ chung, không ai nợ chung vợ chồng tôi.

* Quá trình tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/8/2022, ông Dương Tuấn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trần Thị P xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn được 01 tuần đến nay thì bà P về sống với cha mẹ bà P ở Thôn X, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, còn tôi sống với cha mẹ tôi ở K68/29 P2, tổ 36, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, ít chia sẻ với nhau nhưng tôi nghĩ chỉ là mâu thuẫn nhỏ có thể hòa giải được. Nay tôi xác định vẫn còn tình cảm với bà P nên không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Tôi và bà Trần Thị P không có con chung.

Về tài sản chung: Tôi và bà Trần Thị P không có tài sản chung.

Về nợ chung: Tôi và bà Trần Thị P không có tài sản chung, không ai nợ chung vợ chồng tôi.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhiều lần đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt cả phiên tòa thứ nhất và phiên tòa thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Dương Tuấn T đăng ký kết hôn ngày 15/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện (Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2020), hôn nhân tự nguyện. Qua xác minh tại địa phương thể hiện ông Dương Tuấn T và bà Trần Thị P đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn thì bà P ở tại nhà cha mẹ ông T ở tại K68/29 P2, tổ 36, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng được khoảng 01 tuần thì bà P về Huế sinh sống từ đó đến nay. Kết quả xác minh phù hợp với lời khai của bà P và ông T trong quá trình tham gia tố tụng, cụ thể: Bà P và ông T thừa nhận sau khi kết hôn được 01 tuần đến nay thì bà P về sống với cha mẹ bà P ở Thôn X, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, còn ông T sống với cha mẹ ông T ở K68/29 P2, tổ 36, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Theo ông T thì quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, ít chia sẻ nhưng theo ông T thì đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ có thể hòa giải được.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng bà P, ông T sau khi kết hôn đến nay mỗi người sống mỗi nơi không ai quan tâm ai, mỗi người có một cuộc sống riêng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay không có sự gắn kết tình cảm với nhau nên đây chính là mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của ông Dương Tuấn T.

- Về con chung: Bà Trần Thị P và ông Dương Tuấn T cùng xác nhận không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị P và ông Dương Tuấn T cùng xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị P và ông Dương Tuấn T cùng xác nhận không có nợ chung, không ai nợ chung bà Trần Thị P và ông Dương Tuấn T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị P đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005326 ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Trần Thị P đối với ông Dương Tuấn T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị P được ly hôn ông Dương Tuấn T.

2. Về quan hệ con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị P đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005326 ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Liên Chiểu;
- UBND P. H
(Giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 15/7/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân Hương